

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG ANH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT  
ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Hà Nội, 2018**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC .....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH .....	4
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH .....	5
1. Mục tiêu chung .....	5
2. Mục tiêu cụ thể .....	6
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT .....	8
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung .....	8
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù .....	8
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC .....	9
1. Nội dung khái quát .....	9
2. Nội dung cụ thể .....	26
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC .....	48
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC .....	50
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....	51

## I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn Tiếng Anh cung cấp cho học sinh một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Thông qua việc học Tiếng Anh và tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, học sinh có thể hiểu rõ hơn, thêm yêu ngôn ngữ và nền văn hóa của dân tộc mình.

Với tư cách là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Tiếng Anh còn liên quan trực tiếp và có tác động qua lại với nhiều môn học/nội dung giáo dục khác như Ngữ văn/Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Tin học, Hoạt động trải nghiệm. Tiếng Anh còn là công cụ để dạy và học các môn học khác, đặc biệt là môn Toán và các môn khoa học tự nhiên.

Mục tiêu cơ bản của *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ điểm và chủ đề phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh phổ thông nhằm giúp các em đạt được các yêu cầu quy định trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), cụ thể là học sinh kết thúc cấp tiểu học đạt Bậc 1, học sinh kết thúc cấp trung học cơ sở đạt Bậc 2, học sinh kết thúc cấp trung học phổ thông đạt Bậc 3.

Nội dung của *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* thể hiện những định hướng cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là:

Ở cấp tiểu học (lớp 3-5), việc dạy học Tiếng Anh giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nhiều hơn đến hai kỹ năng nghe và nói.

Ở cấp trung học cơ sở, việc dạy học Tiếng Anh tiếp tục giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, đồng thời phát triển năng lực tư duy và nâng cao sự hiểu biết của học sinh về văn hoá, xã hội của các quốc gia trên thế giới cũng như hiểu biết sâu hơn về văn hoá, xã hội của dân tộc mình.

Ở cấp trung học phổ thông, việc dạy học Tiếng Anh giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh dựa trên nền tảng chương trình Tiếng Anh các cấp tiểu học và trung học cơ sở, trang bị cho học sinh kỹ năng học tập suốt đời để không ngừng học tập và phát triển năng lực làm việc trong tương lai.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* tuân thủ các quy định được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

**2.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được xây dựng theo quan điểm lấy năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết. Ở cấp tiểu học (lớp 3-5), cần ưu tiên phát triển hai kỹ năng nghe và nói. Ở cấp trung học cơ sở, các kỹ năng giao tiếp nghe và nói vẫn được tiếp tục phát triển và thông qua luyện tập kết hợp các kỹ năng để tiến tới phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp trung học phổ thông.

**3.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được thiết kế trên cơ sở hệ thống chủ điểm, chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh, phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp theo yêu cầu cần đạt quy định cho mỗi cấp học. Hệ thống chủ điểm, chủ đề phản ánh văn hoá cần mang tính dân tộc và quốc tế; nội dung dạy học cần được lựa chọn và có thể lặp lại, mở rộng qua các năm học theo hướng đồng tâm xoắn

ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Thông qua việc triển khai hệ thống chủ điểm và chủ đề trong Chương trình, học sinh có thể được trang bị thêm nội dung của các môn học khác ở mức độ phù hợp và khả thi.

**4.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

**5.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh giữa các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tính liên thông và tiếp nối được thể hiện ở chỗ sau mỗi cấp học, học sinh đạt một bậc trình độ theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

**6.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học Tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

### **III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Mục tiêu chung**

**1.1.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình giáo dục phổ thông, học sinh có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam*, tạo nền tảng cho học sinh sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập.

**1.2.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các quốc gia đó. Ngoài ra, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* còn góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và

trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

## **2. Mục tiêu các cấp học**

### **2.1. Mục tiêu cấp tiểu học**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể:

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.
- Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới.
- Có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

### **2.2. Mục tiêu cấp trung học cơ sở**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, học sinh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.
- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh, bước đầu biết sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu các môn học

khác trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Hình thành và áp dụng các phương pháp và chiến lược học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh trong và ngoài lớp học, quản lý thời gian học tập và hình thành thói quen tự học.

### **2.3. Mục tiêu cấp trung học phổ thông**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông, học sinh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và thiết thực về những chủ đề quen thuộc liên quan đến nhà trường, hoạt động vui chơi, giải trí, nghề nghiệp, ...

- Tiếp tục hình thành và phát triển kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng tiếng Anh.

- Sử dụng tiếng Anh để nâng cao chất lượng học tập các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Sử dụng tiếng Anh để theo đuổi mục tiêu học tập cao hơn hoặc có thể làm việc ngay sau khi học xong cấp trung học phổ thông.

- Áp dụng các phương pháp học tập khác nhau để quản lý thời gian học tập, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học và tự học, củng cố phương pháp tự học, tự đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời.

## IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

### 1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

### 2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

#### 2.1. Cấp tiểu học

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 1 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, ... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ”.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng ngôn ngữ và nền văn hoá của dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như yêu thương, tôn trọng bản thân, bạn bè, gia đình, môi trường, chăm chỉ và trung thực.

#### 2.2. Cấp trung học cơ sở

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 2 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm,...). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung



quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ tích cực đối với môn học và việc học Tiếng Anh; đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như nhân ái, yêu thương gia đình, tự hào về quê hương, bảo vệ môi trường, có ý thức tự rèn luyện học tập, có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

### **2.3. Cấp trung học phổ thông**

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, ... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá của Việt Nam bằng tiếng Anh; phát triển các phẩm chất yêu đất nước, con người, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng.

## **V. NỘI DUNG GIÁO DỤC**

### **1. Nội dung khái quát**

Nội dung dạy học trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm:

(i) hệ thống các chủ điểm (khái quát), các chủ đề (cụ thể); (ii) các năng lực giao tiếp liên quan đến các chủ điểm, chủ đề; (iii) danh mục kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ

thông các chủ điểm, chủ đề.

## **1.1. Hệ thống chủ điểm, chủ đề**

### **1.1.1. Hệ thống chủ điểm**

Nội dung *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm phù hợp với mỗi cấp học. Các chủ điểm liên quan chặt chẽ với nhau và được thiết kế lặp lại có mở rộng qua các năm học ở mỗi cấp học, theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Tên gọi của các chủ điểm có thể được thay đổi theo cấp học nhằm đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm, hứng thú của học sinh cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học.

Các chủ điểm gợi ý trong dạy học môn Tiếng Anh ở các cấp học là:

- Cấp tiểu học: *Em và những người bạn của em, Em và trường học của em, Em và gia đình em, Em và thế giới quanh em.*
- Cấp trung học cơ sở: *Cộng đồng của chúng ta, Di sản của chúng ta, Thế giới của chúng ta, Tầm nhìn tương lai.*
- Cấp trung học phổ thông: *Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.*

### **1.1.2. Hệ thống chủ đề**

Hệ thống chủ đề được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm. Mỗi chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề để có thể bao phủ 1155 tiết học. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của học sinh. Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, phù hợp với các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính hội nhập quốc tế và phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp quy định cho mỗi cấp học. Người biên soạn tài liệu dạy học và giáo viên có thể điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ điểm, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của học sinh để đạt được các mục tiêu đề ra trong Chương trình. Dưới đây là ví dụ minh họa mang tính gợi ý cho các chủ đề theo chủ điểm ở ba cấp học.

## Cấp tiểu học

Chủ điểm	Chủ đề
<b>Em và những người bạn của em</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bản thân</li><li>- Những người bạn của em</li><li>- Những việc có thể làm</li><li>- Hoạt động hằng ngày</li><li>- Hoạt động tương lai</li><li>- Thói quen, sở thích</li><li>...</li></ul>
<b>Em và trường học của em</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trường học của em</li><li>- Lớp học của em</li><li>- Đồ dùng, phương tiện học tập</li><li>- Thời khoá biểu và các môn học ở trường</li><li>- Hoạt động học tập ở trường</li><li>- Hoạt động ngoại khoá ở trường</li><li>...</li></ul>
<b>Em và gia đình em</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngôi nhà của em</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng và đồ vật trong nhà</li> <li>- Thành viên trong gia đình</li> <li>- Ngoại hình, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Hoạt động của các thành viên trong gia đình</li> <li>...</li> </ul>
<b>Em và thế giới quanh em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ chơi của em</li> <li>- Động vật</li> <li>- Màu sắc yêu thích</li> <li>- Quần áo</li> <li>- Chỉ đường và biển chỉ dẫn</li> <li>- Mùa và thời tiết</li> <li>- Phương tiện giao thông</li> <li>...</li> </ul>

**Cấp trung học cơ sở**

<b>Chủ điểm</b>	<b>Chủ đề</b>
<b>Cộng đồng của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôi trường của tôi</li> <li>- Sở thích</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những người bạn của tôi</li> <li>- Tuổi thiếu niên</li> <li>- Hoạt động trong thời gian rảnh rỗi</li> <li>- Môi trường địa phương</li> <li>- Dịch vụ cộng đồng</li> <li>...</li> </ul>
<b>Di sản của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỳ quan và địa danh nổi tiếng</li> <li>- Lễ hội</li> <li>- Phong tục và tập quán</li> <li>- Thức ăn và đồ uống</li> <li>- Âm nhạc và mỹ thuật</li> <li>...</li> </ul>
<b>Thế giới của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành phố trên thế giới</li> <li>- Văn hoá của các quốc gia trên thế giới</li> <li>- Lễ hội</li> <li>- Giao thông</li> <li>- Các môn thể thao và trò chơi</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Du lịch</li> <li>- Giải trí</li> <li>...</li> </ul>
<b>Tầm nhìn tương lai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống tương lai</li> <li>- Ngôi nhà mơ ước</li> <li>- Nghề nghiệp tương lai</li> <li>- Thế giới xanh</li> <li>- Bảo vệ môi trường</li> <li>- Truyền thông trong tương lai</li> <li>- Giải trí trong tương lai</li> <li>...</li> </ul>

**Cấp trung học phổ thông**

<b>Chủ điểm</b>	<b>Chủ đề</b>
<b>Cuộc sống của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống gia đình</li> <li>- Khoảng cách thế hệ</li> <li>- Giải trí</li> <li>- Lối sống lành mạnh</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống tự lập</li> <li>- Câu chuyện cuộc sống</li> <li>- Tốt nghiệp và chọn nghề</li> <li>...</li> </ul>
<b>Xã hội của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vấn đề xã hội</li> <li>- Giáo dục</li> <li>- Phục vụ cộng đồng</li> <li>- Phương tiện truyền thông đại chúng</li> <li>- Bản sắc văn hoá</li> <li>- Việt Nam và các tổ chức quốc tế</li> <li>...</li> </ul>
<b>Môi trường của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tồn di sản</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Bảo tồn môi trường tự nhiên</li> <li>- Con người và môi trường</li> <li>- Môi trường xanh</li> <li>- Du lịch sinh thái</li> <li>...</li> </ul>

<b>Tương lai của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục trong tương lai</li> <li>- Học tập suốt đời</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo</li> <li>- Tương lai của các thành phố</li> <li>- Sức khoẻ và tuổi thọ</li> <li>- Thế giới công việc</li> <li>...</li> </ul>
-------------------------------	--

## 1.2. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh*, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề. Dưới đây là danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp cho từng cấp học:

### 1.2.1. Cấp tiểu học

<b>Chủ điểm</b>	<b>Năng lực giao tiếp</b>
<b>Em và những người bạn của em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào hỏi và tạm biệt</li> <li>- Cảm ơn</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xin lỗi</li> <li>- Đánh vần</li> <li>- Giới thiệu (về mình, về người khác)</li> <li>- Hỏi và xác định các bộ phận cơ thể</li> <li>- Hỏi và trả lời về ngày tháng</li> <li>- Hỏi và trả lời về bạn bè</li> <li>- Hỏi và trả lời về khả năng, ước mơ, sở thích</li> <li>- Hỏi và trả lời về địa điểm</li> <li>- Hỏi và trả lời về nghề nghiệp</li> <li>- Mô tả các khả năng đơn giản của bản thân</li> <li>- Miêu tả địa điểm</li> <li>- Nêu tên quốc gia và quốc tịch</li> <li>- Hỏi và trả lời về kế hoạch tương lai</li> <li>...</li> </ul>
<p><b>Em và trường học của em</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về trường học (địa điểm, tên trường, đồ dùng học tập, môn học, ...)</li> <li>- Mô tả đơn giản về vị trí, số lượng, tính chất, đặc điểm của sự vật và người</li> <li>- Hỏi và định danh các vật cụ thể, đơn giản</li> <li>- Hỏi và trả lời về các hoạt động học tập và giải trí ở trường</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về một người/vật/sự kiện yêu thích</li> <li>- Hỏi và trả lời về mức độ thường xuyên</li> <li>- Thực hiện và hỏi đáp các xin phép và đề xuất đơn giản</li> <li>- Diễn đạt và hỏi đáp các mệnh lệnh phổ biến trong lớp học</li> <li>- Hỏi và trả lời ai đang làm gì</li> <li>...</li> </ul>
<b>Em và gia đình em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các thành viên trong gia đình (tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi làm việc, ...)</li> <li>- Xác định địa chỉ nhà và vị trí các đồ vật trong nhà</li> <li>- Hỏi và trả lời về nhà cửa, đồ dùng, tiện ích trong gia đình</li> <li>- Hỏi và trả lời về các hoạt động của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Hỏi và trả lời về vị trí và số lượng</li> <li>- Miêu tả công việc thường ngày</li> <li>- Hỏi và trả lời về sở thích ăn, uống</li> <li>- Đưa ra lời khuyên về các vấn đề sức khỏe thông thường</li> <li>- Diễn đạt sự sở hữu</li> <li>- Hỏi và trả lời về thời gian</li> <li>...</li> </ul>
<b>Em và thế giới quanh em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về đồ chơi, thú cưng, động vật trong sở thú</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về quần áo (số lượng, màu sắc, giá cả, ...)</li> <li>- Hỏi và trả lời về các phương tiện giao thông</li> <li>- Hỏi và trả lời về khoảng cách</li> <li>- Đưa ra chỉ dẫn</li> <li>- Hỏi và trả lời về mùa và thời tiết</li> <li>- Hỏi và trả lời về vị trí của sự vật/hiện tượng/người</li> <li>- Hỏi và đưa ra ý kiến về một địa điểm</li> <li>- Diễn đạt các so sánh hơn, kém đơn giản</li> <li>- Hỏi và diễn đạt lý do đơn giản</li> <li>- Thực hiện các gợi ý đơn giản và phản hồi gợi ý</li> <li>...</li> </ul>
--	--

### 1.2.2. Cấp trung học cơ sở

<b>Chủ điểm</b>	<b>Năng lực giao tiếp</b>
<b>Cộng đồng của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miêu tả hoạt động yêu thích ở trường</li> <li>- Miêu tả một người cụ thể (ngoại hình, tính cách, ...)</li> <li>- Miêu tả trải nghiệm đơn giản</li> <li>- Hỏi và miêu tả những địa danh nổi tiếng</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi</li> <li>- Nói về các loại dịch vụ cộng đồng</li> <li>- Viết các văn bản đơn giản (lời nhắn, ghi chép, thiệp mời, ...)</li> <li>...</li> </ul>
<b>Di sản của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn đạt sự đồng ý/không đồng ý và giải thích lý do</li> <li>- Đưa ra lời khuyên đơn giản</li> <li>- Miêu tả và so sánh một kỳ quan, thảo luận cách thức bảo vệ, bảo tồn các kỳ quan</li> <li>- Miêu tả gia đình truyền thống</li> <li>- Miêu tả các lễ hội</li> <li>- Miêu tả thức ăn và đồ uống của một địa phương</li> <li>- Thảo luận về phong tục và truyền thống gia đình</li> <li>...</li> </ul>
<b>Thế giới của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các lợi ích của việc sử dụng tiếng Anh</li> <li>- Giới thiệu con người và địa điểm du lịch ở các quốc gia trên thế giới</li> <li>- Hỏi và trả lời về những người nổi tiếng</li> <li>- Miêu tả lịch trình của một chuyến du lịch</li> <li>- Nói về các vấn đề về môi trường và cách thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Nói về các thắng cảnh trên thế giới</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các hình thức giải trí phổ biến</li> <li>- Thảo luận đặc điểm của phong cách sống lành mạnh</li> <li>- Hỏi và chỉ đường</li> <li>- Thảo luận về các phương tiện giao thông</li> <li>- Viết bưu thiếp đơn giản</li> <li>...</li> </ul>
<b>Tầm nhìn tương lai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự đoán về cuộc sống tương lai</li> <li>- Diễn đạt sự quan tâm và đưa ra lời khuyên</li> <li>- Miêu tả nghề nghiệp trong tương lai</li> <li>- Diễn đạt ý kiến về các vấn đề có thể xảy ra trong tương lai</li> <li>- Trình bày cách thức bảo vệ môi trường và xây dựng một thế giới tốt đẹp</li> <li>- Nói về truyền thông và các hình thức giải trí trong tương lai</li> <li>- Viết về một ngôi nhà, công việc, cuộc sống mơ ước</li> <li>...</li> </ul>

### 1.2.3. Cấp trung học phổ thông

<b>Chủ điểm</b>	<b>Năng lực giao tiếp</b>
<b>Cuộc sống của chúng ta</b>	- Nói về cuộc sống gia đình

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi ý kiến về công việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình</li> <li>- Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh</li> <li>- Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích</li> <li>- Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp</li> <li>- Viết/điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng kí khoá học, mẫu đơn xin việc làm, ...)</li> <li>...</li> </ul>
<b>Xã hội của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng</li> <li>- Diễn đạt quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản</li> <li>- Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ</li> <li>- Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới</li> <li>- Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau</li> <li>- Nói về các hoạt động tình nguyện</li> <li>- Hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước</li> <li>...</li> </ul>
<b>Môi trường của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các cách thức đơn giản để bảo tồn di sản</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết giới thiệu để quảng bá du lịch sinh thái</li> <li>- Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người</li> <li>- Đọc hiểu được một văn bản về các mối đe dọa đối với môi trường tự nhiên</li> <li>- Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên</li> <li>- Đề xuất các địa điểm du lịch sinh thái yêu thích</li> <li>- Viết một đoạn văn đơn giản về một địa danh nổi tiếng</li> <li>- Nói về cách sống thân thiện với môi trường</li> <li>...</li> </ul>
<b>Tương lai của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về công nghệ và cuộc sống</li> <li>- Viết về cách thức sử dụng mạng Internet</li> <li>- Diễn đạt các dự đoán về những thành phố trong tương lai</li> <li>- Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe</li> <li>- Đọc hiểu một bài báo về các yếu tố làm tăng tuổi thọ</li> <li>- Đọc hiểu một bài viết về các cơ hội học đại học</li> <li>- Nói về công việc trong tương lai</li> <li>...</li> </ul>

### 1.3. Kiến thức ngôn ngữ

Kiến thức ngôn ngữ trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Kiến

thức ngôn ngữ có vai trò như một phương tiện giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Hệ thống kiến thức ngôn ngữ dạy học trong Chương trình bao gồm:

### 1.3.1. Cấp tiểu học

- Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm và một số tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản.
  - Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ đã học.
- Từ vựng** Nội dung dạy học từ vựng ở cấp tiểu học là những từ thông dụng, đơn giản, cụ thể ở Bậc 1 trong tiếng Anh phục vụ cho các tình huống giao tiếp trong phạm vi hệ thống chủ điểm và chủ đề của Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp tiểu học khoảng 600 - 700 từ.
- Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ số ít, danh từ số nhiều, đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, trạng từ, số đếm, số thứ tự, giới từ thông dụng, liên từ thông dụng, mạo từ...

### 1.3.2. Cấp trung học cơ sở

- Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.



**Từ vựng** Nội dung dạy học từ vựng ở cấp trung học cơ sở bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp trung học cơ sở khoảng 800 - 1000 từ ở Bậc 2 (không bao gồm các từ đã học ở tiểu học).

**Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học cơ sở tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ, số thứ tự, so sánh tính từ, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định...

### 1.3.3. Cấp trung học phổ thông

**Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học phổ thông bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu.

**Từ vựng** Nội dung dạy học từ vựng ở cấp trung học phổ thông bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp trung học phổ thông khoảng 600 - 800 từ ở Bậc 3 (không bao gồm các từ đã học ở các cấp tiểu học và trung học cơ sở). Sau khi học xong chương trình phổ thông, số lượng từ vựng học sinh cần

nắm được khoảng 2500 từ.

**Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học phổ thông tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở, bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động...

## 2. Nội dung cụ thể

### Lớp 3

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Em và những người bạn của em</li> <li>- Em và trường học của em</li> <li>- Em và gia đình em</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thân</li> <li>- Những người bạn của em</li> <li>- Sở thích</li> <li>- Trường học của em</li> <li>- Lớp học của em</li> <li>- Đồ dùng học tập</li> <li>- Ngôi nhà của em</li> </ul>	<p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.</li> <li>- Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn rất đơn giản trong lớp học.</li> <li>- Nghe và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.</li> <li>- Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 3</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì hiện tại đơn</p>

<p>- Em và thế giới quanh em</p>	<p>- Phòng và đồ vật trong nhà</p> <p>- Thành viên trong gia đình</p> <p>- Đồ chơi của em</p> <p>- Màu sắc yêu thích</p> <p>- Các con vật nuôi</p> <p>...</p>	<p>giản khoảng 20 - 30 từ về các chủ đề quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.</p>	<p>Thì hiện tại tiếp diễn</p> <p>Câu đơn</p>
		<p><b>Nói</b></p> <p>- Nói các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.</p> <p>- Hỏi và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về bản thân và những người khác.</p> <p>- Hỏi và trả lời các câu hỏi thường dùng trong lớp học.</p> <p>- Nói về một số chủ đề quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ rất đơn giản (có sự trợ giúp).</p>	<p>Đại từ chỉ định: <i>this/that/these/those</i></p> <p><i>There is/There are</i></p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi: <i>what, where, who, how, how old...</i></p> <p>Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>)</p> <p>Câu mệnh lệnh: <i>Stand up, please. Don't talk, please, ...</i></p>
		<p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc đúng chữ cái trong bảng chữ cái, chữ cái trong từ.</p> <p>- Đọc hiểu nghĩa các từ và cụm từ quen thuộc, rất đơn giản.</p> <p>- Đọc hiểu các câu ngắn, rất đơn giản.</p> <p>- Đọc hiểu các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 30 - 40 từ về các chủ đề trong nội</p>	<p>Động từ tình thái: <i>may, can</i></p> <p>Đại từ nhân xưng: <i>I, you, he, she, it, we, they</i></p> <p>Tính từ sở hữu: <i>my, your, his, her, its, our, their</i></p> <p>Danh từ (số ít, số nhiều): <i>pen(s), book(s), chair(s), ...</i></p> <p>Tính từ miêu tả: <i>big, small, new, old,</i></p>

		dung Chương trình.	...
		<b>Viết</b> - Viết các từ, cụm từ rất đơn giản. - Điền thông tin cá nhân vào các mẫu rất đơn giản (tên, địa chỉ...). - Viết các văn bản ngắn khoảng 10 - 20 từ (có gợi ý) trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.	Từ chỉ số lượng: <i>a lot, many, some, ...</i> Liên từ: <i>and</i> Mạo từ: <i>a/an, the</i> Giới từ (chỉ địa điểm): <i>in, at, on, ...</i> ...

#### Lớp 4

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Em và những người bạn của em - Em và trường học của em - Em và gia đình em	- Bản thân và bạn bè - Những việc có thể làm - Hoạt động hằng ngày - Thói quen, sở thích - Hoạt động học tập ở trường - Hoạt động ngoại khoá ở trường	<b>Nghe</b> - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản trong lớp học. - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản được truyền đạt chậm và rõ ràng. - Nghe và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 35 - 40 từ về các chủ đề quen	<b>Ngữ âm</b> Nguyên âm đơn, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ <b>Từ vựng</b> Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 4 <b>Ngữ pháp</b> Thì hiện tại đơn (củng cố và mở

<p>- Em và thế giới quanh em</p>	<p>- Ngoại hình, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình</p> <p>- Hoạt động của các thành viên trong gia đình</p> <p>- Động vật</p> <p>- Chỉ đường và biển chỉ dẫn</p> <p>- Thời tiết</p> <p>...</p>	<p>thuộc.</p> <hr/> <p><b>Nói</b></p> <p>- Nói các cụm từ và các câu đơn giản.</p> <p>- Nói các chỉ dẫn và đề nghị ngắn gọn, đơn giản.</p> <p>- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về chủ đề trong nội dung Chương trình.</p> <p>- Nói về một số chủ đề quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ đơn giản (có sự trợ giúp).</p> <hr/> <p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc các câu ngắn và đơn giản.</p> <p>- Đọc hiểu các câu ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 45 - 55 từ về các chủ đề trong Chương trình.</p> <hr/> <p><b>Viết</b></p> <p>- Viết các câu trả lời rất đơn giản.</p> <p>- Điền thông tin vào các mẫu đơn giản (thời</p>	<p>rộng)</p> <p>Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ đơn</p> <p>Câu đơn</p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi</p> <p>Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>)</p> <p>Động từ tình thái: <i>can, would</i></p> <p>Đại từ chỉ định (củng cố và mở rộng)</p> <p>Liên từ: <i>and, but, or, because</i></p> <p>Giới từ: <i>with, near, behind, next to, opposite, by,...</i></p> <p>...</p>
----------------------------------	--	--	---

		khoá biểu, thiệp sinh nhật, nhãn vở, ...). - Viết các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 20 - 30 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc.	
--	--	--	--

### Lớp 5

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Em và những người bạn của em - Em và trường học của em - Em và gia đình em - Em và thế giới quanh em	- Bản thân và bạn bè - Nơi em sinh sống - Sở thích, ước mơ - Môn học và hoạt động yêu thích ở trường - Nghề nghiệp - Kỳ nghỉ, lễ hội - Các món ăn và đồ uống - Mùa và thời tiết - Sức khoẻ và các bệnh thường gặp - Phương tiện giao thông	<b>Nghe</b> - Nghe và nhận biết trọng âm từ. - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản. - Nghe và trả lời các câu hỏi đơn giản về các chủ đề trong Chương trình. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại ngắn, cấu trúc đơn giản khoảng 45 - 60 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Nghe hiểu nội dung chính các câu chuyện ngắn rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp).	<b>Ngữ âm</b> Trọng âm từ, nhịp điệu và ngữ điệu <b>Từ vựng</b> Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 5 <b>Ngữ pháp:</b> Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng) Thì tương lai đơn Câu hỏi có từ để hỏi Câu hỏi nghi vấn ( <i>Yes/No</i>
		<b>Nói</b>	

	<p>- Danh lam thắng cảnh ...</p>	<p>- Nói các câu chỉ dẫn và đề nghị; khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản trong và ngoài lớp học.</p> <p>- Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, ... hoặc liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.</p> <p>- Nói về một số chủ đề trong Chương trình (có sự trợ giúp).</p> <p>- Trả lời các câu hỏi trực tiếp trong những phỏng vấn đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về những chủ đề quen thuộc.</p>	<p><i>question</i>) (củng cố và mở rộng)</p> <p>Động từ tình thái: <i>should, could, would</i></p> <p>Tính từ chỉ tính chất đơn giản</p> <p>Trạng từ (chỉ cách thức hành động): <i>fast, hard, well, ...</i>; Trạng từ (chỉ tần suất): <i>always, usually, often, never, ...</i></p> <p>Giới từ: <i>by, on, ...</i></p> <p>...</p>
		<p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc những đoạn văn bản ngắn, đơn giản đã được chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc như bạn bè, gia đình, nhà trường, ...</p> <p>- Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Đọc hiểu các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp; các chỉ dẫn ngắn, đơn giản.</p>	

		<p><b>Viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, bạn bè, ...</li> <li>- Viết các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 30 - 40 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Viết hoặc điền thông tin vào biểu bảng đơn giản, tin nhắn, ...</li> </ul>	
--	--	--	--

### Lớp 6

<b>Chủ điểm</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Kỹ năng ngôn ngữ</b>	<b>Kiến thức ngôn ngữ</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng của chúng ta</li> <li>- Di sản của chúng ta</li> <li>- Thế giới của chúng ta</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôi trường của tôi</li> <li>- Nơi tôi sinh sống</li> <li>- Những người bạn của tôi</li> <li>- Môi trường địa phương</li> <li>- Dịch vụ cộng đồng</li> </ul>	<p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</li> <li>- Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung chính, nội dung tương</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm,</p>



ta  - Tầm nhìn tương lai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những kỳ quan trong nước</li> <li>- Lễ hội</li> <li>- Vô tuyến truyền hình</li> <li>- Các thành phố trên thế giới</li> <li>- Nhà ở trong tương lai</li> <li>...</li> </ul>	<p>đôi chi tiết các đoạn hội thoại, đọc thoại đơn giản khoảng 80 - 100 từ về các chủ đề trong Chương trình; nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc.</p>	<p>chủ đề của lớp 6</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Câu đơn</p> <p>Câu ghép</p> <p>Động từ tình thái: <i>should/shouldn't, might</i></p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi</p> <p>Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>)</p> <p>Câu mệnh lệnh: khẳng định/phủ định</p>
		<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</li> <li>- Nói các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong lớp học; những câu đơn giản, liên ý về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý).</li> <li>- Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ đề trong Chương trình như nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, ...</li> <li>- Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ đề trong Chương trình.</li> </ul>	
		<p><b>Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, đọc thoại đơn</li> </ul>	

		<p>giản về các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>- Đọc hiểu nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 100 - 120 từ thuộc phạm vi các chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).</p>	<p>Danh từ: đếm được/không đếm được</p> <p>Tính từ</p> <p>Tính từ so sánh tương đối và tuyệt đối</p>
		<p><b>Viết</b></p> <p>- Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 40 - 60 từ về các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>- Viết thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hàng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.</p>	<p>Sở hữu cách</p> <p>Đại từ sở hữu: <i>mine, yours, ...</i></p> <p>Lượng từ không xác định: <i>some, any, ...</i></p> <p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian, ...</p> <p>Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Liên từ: <i>because, ...</i></p> <p>Mạo từ: <i>a/an, the</i></p> <p>Câu điều kiện (loại 1)</p> <p>...</p>

### Lớp 7

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Cộng	- Sở thích	Nghe	Ngữ âm

<p>đồng của chúng ta</p> <p>- Di sản của chúng ta</p> <p>- Thế giới của chúng ta</p> <p>- Tầm nhìn tương lai</p>	<p>- Những vấn đề về sức khoẻ</p> <p>- Dịch vụ cộng đồng</p> <p>- Âm nhạc và nghệ thuật</p> <p>- Thức ăn và đồ uống</p> <p>- Giáo dục</p> <p>- Các quốc gia nói tiếng Anh</p> <p>- Lễ hội trên thế giới</p> <p>- Giao thông trong tương lai</p> <p>- Các nguồn năng lượng</p> <p>...</p>	<p>- Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản.</p> <p>- Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 140 từ về các chủ đề trong Chương trình.</p>	<p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 7</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p>
		<p><b>Nói</b></p> <p>- Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản khác nhau.</p> <p>- Nói các chỉ dẫn ngắn sử dụng trong các hoạt động trong và ngoài lớp học.</p> <p>- Trao đổi các thông tin cơ bản về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ đề trong Chương trình.</p>	<p>Thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Câu đơn</p> <p>Động từ tình thái: <i>should/ should not, ...</i></p>
		<p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các</p>	<p>Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No</i>)</p>

	<p>đoạn hội thoại, đọc thoại đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>- Đọc hiểu nội dung chính các mẫu tin, thực đơn, quảng cáo... ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).</p>	<p><i>question)</i></p> <p>Cách so sánh: <i>like, (not) as ... as, different from, ...</i></p> <p>Đại từ sở hữu: <i>mine, yours, his, ...</i></p> <p>Lượng từ không xác định: <i>some, lots of, a lot of, ...</i></p>
	<p><b>Viết</b></p> <p>- Viết một đoạn văn ngắn, đơn giản, có gợi ý khoảng 60 - 80 từ để mô tả các sự kiện, hoạt động cá nhân liên quan đến các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>- Viết thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hằng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.</p>	<p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian: <i>in, on, at...</i></p> <p>Từ nối: <i>although, however, ...</i></p> <p>Mạo từ: <i>a/an, the, zero article</i></p> <p>....</p>

### Lớp 8

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Cộng đồng của	- Tuổi thiếu niên - Hoạt động trong thời	<b>Nghe</b> - Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu	<b>Ngữ âm</b> Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi,

<p>chúng ta</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di sản của chúng ta</li> <li>- Thế giới của chúng ta</li> <li>- Tầm nhìn tương lai</li> </ul>	<p>gian rảnh rỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống ở nông thôn</li> <li>- Phong tục và tập quán</li> <li>- Các dân tộc ở Việt Nam</li> <li>- Thảm họa thiên nhiên</li> <li>- Bảo vệ môi trường</li> <li>- Khoa học và công nghệ</li> <li>- Cuộc sống trên các hành tinh khác</li> <li>...</li> </ul>	<p>và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 140 - 160 từ về các chủ đề trong Chương trình.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung chính các thông báo đơn giản, được nói rõ ràng liên quan đến các chủ đề trong Chương trình.</li> </ul>	<p>phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 8</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ tiếp diễn</p> <p>Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai</p> <p>Động từ (chỉ sự thích) + danh động từ (V-ing)</p> <p>Động từ (chỉ sự thích) + động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>)</p> <p>Các loại câu: câu đơn/câu nối/câu phức</p>
		<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.</li> <li>- Nói các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến các chủ điểm đã học.</li> <li>- Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	
		<p><b>Độc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các</li> </ul>	

	<p>đoạn hội thoại, đọc thoại đơn giản khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo... ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.</p>	<p>Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng)</p> <p>Câu tường thuật: câu kể, câu hỏi</p> <p>Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Trạng từ so sánh</p> <p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian</p> <p>Danh từ đếm được/không đếm được</p> <p>Đại từ sở hữu</p> <p>Mạo từ: <i>a/an, the, zero article</i></p> <p>...</p>
	<p><b>Viết</b></p> <p>- Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản khoảng 80 - 100 từ liên quan đến các chủ đề quen thuộc.</p>	

### Lớp 9

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Cộng đồng của	- Môi trường sống	<p><b>Nghe</b></p> <p>- Nghe hiểu các cụm từ, chỉ dẫn và cách</p>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi,</p>

<p>chúng ta</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di sản của chúng ta</li> <li>- Thế giới của chúng ta</li> <li>- Tầm nhìn tương lai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống đô thị</li> <li>- Việt Nam - xưa và nay</li> <li>- Cuộc sống trong quá khứ</li> <li>- Sống lành mạnh</li> <li>- Kỳ quan thiên nhiên</li> <li>- Du lịch</li> <li>- Nghề nghiệp tương lai</li> <li>- Tiếng Anh trên thế giới</li> <li>...</li> </ul>	<p>diễn đạt đơn giản liên quan tới nhu cầu giao tiếp hằng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 160 - 180 từ về các chủ đề trong Chương trình.</li> <li>- Nghe hiểu và xác định được những ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày, các thông báo, bản tin, ... ngắn, rõ ràng và đơn giản.</li> </ul>	<p>phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 9</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì quá khứ tiếp diễn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ đơn với <i>wish</i></p> <p>Động từ tình thái với <i>if</i></p> <p>Động từ tình thái</p> <p>Cụm động từ</p> <p>Cấu trúc <i>Suggest</i> + danh động từ (V-ing)</p> <p>Danh động từ (V-ing) đi sau một số động từ: <i>like, dislike, love, enjoy, hate, ...</i></p> <p>Động từ nguyên thể (verb + <i>to</i>)</p>
		<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác âm, trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu các cụm từ và câu.</li> <li>- Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về những vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ đề quen thuộc; nêu lý do và giải thích ngắn gọn về quan điểm cá nhân.</li> </ul>	

		<p>- Trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc bằng các diễn ngôn đơn giản.</p>	<p>infinitive)  Từ để hỏi trước động từ nguyên thể có <i>to</i>  Câu tường thuật  Mệnh đề phụ chỉ nguyên nhân, kết quả, nhượng bộ  Đại từ quan hệ  Mệnh đề quan hệ (mệnh đề xác định và không xác định)  Tính từ so sánh  ...</p>
		<p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc hiểu các văn bản khoảng 180 - 200 từ về các chủ đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong đời sống hằng ngày.</p> <p>- Đọc hiểu và xác định thông tin cụ thể trong các văn bản liên quan đến các chủ đề về đời sống hằng ngày như quảng cáo, biển báo, thông báo,... các bài báo ngắn mô tả sự kiện.</p> <p>- Đọc hiểu và đoán nghĩa của từ mới dựa vào văn cảnh và suy luận, nhận biết tổ chức của đoạn văn ngắn, đơn giản.</p>	
		<p><b>Viết</b></p> <p>- Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn khoảng 100 - 120 từ về gia đình; viết thư cá nhân, tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan các vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.</p> <p>- Viết tóm tắt thông tin, viết những đoạn</p>	



		văn theo lối đơn giản, sử dụng cách hành văn và trình tự như trong văn bản gốc.	
--	--	---	--

### Lớp 10

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống của chúng ta</li> <li>- Xã hội của chúng ta</li> <li>- Môi trường của chúng ta</li> <li>- Tương lai của chúng ta</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống gia đình</li> <li>- Giải trí</li> <li>- Phục vụ cộng đồng</li> <li>- Các phát minh làm thay đổi thế giới</li> <li>- Bình đẳng giới</li> <li>- Bảo tồn môi trường tự nhiên</li> </ul>	<p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng.</li> <li>- Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 180 - 200 từ về những chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Nghe hiểu những thông tin, chỉ dẫn thông thường.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 10</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Du lịch sinh thái</li> <li>- Con người và môi trường</li> <li>- Các phương thức học tập mới</li> <li>- Việt Nam và các tổ</li> </ul>	<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu.</li> <li>- Bắt đầu, duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản.</li> <li>- Đồng ý, phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên.</li> </ul>

<p>chức quốc tế</p> <p>...</p>	<p>- Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề trong Chương trình.</p>	<p>điển với <i>when</i> và <i>while</i></p> <p>Động từ nguyên thể có <i>to</i> và không có <i>to</i></p>
	<p><b>Đọc</b></p> <p>- Đọc hiểu những ý chính của văn bản khoảng 220 - 250 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.</p> <p>- Đọc hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật.</p> <p>- Đọc hiểu những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến.</p>	<p>Danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả)</p> <p>Câu bị động, câu bị động với động từ tình thái</p> <p>Câu ghép</p> <p>Mệnh đề quan hệ: xác định và không xác định</p> <p>Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng)</p>
	<p><b>Viết</b></p> <p>- Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.</p> <p>- Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.</p>	<p>Câu điều kiện loại 2</p> <p>Câu tường thuật</p> <p>Tính từ so sánh hơn và so sánh hơn nhất</p> <p>Tính từ chỉ thái độ</p> <p>Mạo từ</p> <p>....</p>

## Lớp 11

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống của chúng ta</li> <li>- Xã hội của chúng ta</li> <li>- Môi trường của chúng ta</li> <li>- Tương lai của chúng ta</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lối sống lành mạnh</li> <li>- Khoảng cách thế hệ</li> <li>- Cuộc sống tự lập</li> <li>- Các vấn đề xã hội</li> <li>- Việt Nam và ASEAN</li> <li>- Sự nóng lên toàn cầu</li> <li>- Bảo tồn di sản thế giới</li> <li>- Hệ sinh thái</li> <li>- Giáo dục trong tương lai</li> <li>- Sức khỏe và tuổi thọ</li> <li>- Tương lai của các thành phố</li> <li>...</li> </ul>	<p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những ý chính của các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 200 - 230 từ về những chủ đề mà cá nhân quan tâm trong phạm vi Chương trình.</li> <li>- Nghe hiểu những ý chính trong các cuộc thảo luận, với điều kiện nội dung thảo luận được trình bày rõ ràng.</li> <li>- Nghe bản tường thuật ngắn và đưa ra các giả thuyết về những điều sẽ xảy ra tiếp theo.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Dạng phát âm mạnh và yếu của từ, các dạng viết/phát âm tắt, nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, trọng âm câu và nhịp điệu, nuốt âm</p> <p>Ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý, ...</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 11</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành</p> <p>Động từ tình thái: <i>must</i> vs. <i>have</i></p>
		<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác trọng âm, nối âm, ngữ điệu, nhịp điệu các câu khác nhau.</li> <li>- Bắt đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại; thảo luận về các chủ đề trong Chương trình.</li> </ul>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra những chỉ dẫn chi tiết.</li> <li>- Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề trong Chương trình.</li> </ul>	<p><i>to...</i></p> <p>Động từ nối (<i>be, seem, ...</i>)</p> <p>Động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn</p>
		<p><b>Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 250 - 280 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.</li> <li>- Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết các bản tin, bài báo,... về các chủ đề hoặc sự kiện mang tính thời sự và hiểu toàn bộ ý nghĩa của văn bản.</li> <li>- Đọc lướt các văn bản ngắn để tìm kiếm các sự kiện và thông tin cần thiết.</li> </ul>	<p>Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ, ...)</p> <p>Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Danh động từ hoàn thành và phân từ hoàn thành</p> <p>Từ nối</p> <p>Cấu tạo từ (danh từ ghép)</p> <p>Câu chẻ: <i>It is/was ... that</i> + mệnh đề</p>
		<p><b>Viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Viết thư cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin hoàn chỉnh và chi tiết về sản phẩm hoặc</li> </ul>	<p>....</p>

		dịch vụ. - Viết đề truyền tải những thông tin, sự kiện ngắn gọn, đơn giản tới bạn bè và người thân.	
--	--	--	--

### Lớp 12

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc sống của chúng ta</li> <li>- Xã hội của chúng ta</li> <li>- Môi trường của chúng ta</li> <li>- Tương lai của chúng ta</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp và chọn nghề</li> <li>- Câu chuyện cuộc sống</li> <li>- Đô thị hoá</li> <li>- Phương tiện truyền thông đại chúng</li> <li>- Đa dạng văn hoá</li> <li>- Môi trường xanh</li> <li>- Thế giới công việc</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo</li> <li>- Học tập suốt đời</li> <li>...</li> </ul>	<p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu và xác định nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 230 - 250 từ về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình.</li> <li>- Nghe hiểu các hướng dẫn đơn giản như công thức nấu ăn, cách sử dụng các đồ dùng thông dụng...</li> <li>- Nghe hiểu và đoán nghĩa (thông qua biểu hiện thái độ, tình cảm của của người nói) trong các độc thoại, hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Nghe hiểu những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn,... về</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguyên âm đôi</li> <li>Các từ có trọng âm (trường hợp đặc biệt) – Các từ không mang trọng âm</li> <li>Trọng âm câu, sự đồng hoá, nối nguyên âm với nguyên âm</li> <li>Ngữ điệu câu hỏi (củng cố và mở rộng)</li> <li>Từ đồng âm</li> <li><b>Từ vựng</b></li> <li>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 12</li> </ul>

	<p>các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh hoạ.</p>		<p><b>Ngữ pháp</b> Thì hiện tại hoàn thành (củng cố và mở rộng)</p>
	<p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm.</li> <li>- Nói và tương tác với người đồng thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quy định trong Chương trình.</li> <li>- Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ đề quen thuộc, kể lại một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề đã học.</li> <li>- Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề được quy định trong Chương trình.</li> </ul>		<p>Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn Các loại câu: câu đơn, câu ghép, câu phức (củng cố và mở rộng) Mạo từ (củng cố và mở rộng) Câu tường thuật: tường thuật câu mệnh lệnh, đề nghị, mời, câu khuyên nhủ và câu hướng dẫn Mệnh đề quan hệ với <i>which</i> đề cập tới cả mệnh đề Giới từ sau một số động từ Ngữ động từ (gồm động từ, trạng từ và giới từ) Mẫu câu so sánh kép dùng để diễn tả những điều đang thay đổi</p>
	<p><b>Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 280 - 300 từ về các chủ đề</li> </ul>		<p>Câu chỉ nguyên nhân: chủ động và bị động</p>

		<p>mang tính thời sự và quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu mạch lập luận của văn bản, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng.</li> <li>- Đọc hiểu để tìm và tóm tắt các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc.</li> </ul>	<p>Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện, so sánh</p> <p>Mệnh đề trạng ngữ chỉ cách thức, kết quả</p> <p>...</p>
		<p><b>Viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 180 - 200 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin.</li> <li>- Hoàn thành (viết/điền) các biểu mẫu hành chính phổ biến như sơ yếu lý lịch, đơn xin việc...</li> <li>- Viết bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản.</li> </ul>	

## VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai đường hướng chủ đạo này quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy - học.

### 1. Vai trò giáo viên

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, giáo viên đảm nhiệm nhiều vai trò, trong đó bốn vai trò sau đây được cho là nổi bật: (i) người dạy học và nhà giáo dục, (ii) người cố vấn; (iii) người tham gia vào quá trình học tập; (iv) người học và người nghiên cứu.

Với vai trò là người dạy học và nhà giáo dục, giáo viên giúp học sinh học kiến thức và phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giáo dục các em trở thành những công dân tốt, có trách nhiệm. Với vai trò là người cố vấn, giáo viên là người tạo điều kiện cho quá trình giao tiếp giữa học sinh với nhau trong lớp học, giữa học sinh với sách giáo khoa và với các nguồn học liệu khác. Là cố vấn cho quá trình học tập, giáo viên sẽ giúp cho chính mình hiểu được những gì học sinh cần trong quá trình học tập, những gì là sở thích của các em, và những gì các em có thể tự làm được để chuyển giao một số nhiệm vụ cho các em tự quản; khuyến khích học sinh thể hiện rõ những ý định của mình để qua đó phát huy được vai trò chủ động và sáng tạo của các em trong học tập; hướng sự tham gia tích cực của học sinh vào những mục tiêu thực tế nhất trong khi học tiếng Anh để đạt hiệu quả cao trong học tập.

Trong vai trò là người tham gia vào quá trình học tập, giáo viên hoạt động như là một thành viên tham gia vào quá trình học tập ở trên lớp của các nhóm học sinh. Với tư cách vừa là người cố vấn vừa là người cùng tham gia vào quá trình học tập, giáo viên còn đảm nhiệm thêm một vai trò quan trọng nữa, đó là nguồn tham khảo cho học sinh, hướng dẫn, giải đáp thắc



mắc, giúp học sinh tháo gỡ những khó khăn trong quá trình học tập, trong thực hành giao tiếp ở trong và ngoài lớp học.

Trong vai trò là người học và người nghiên cứu, giáo viên, ở một mức độ nào đó, có điều kiện trở lại vị trí của người học để hiểu và chia sẻ những khó khăn cũng như những trách nhiệm học tập với học sinh. Có thực hiện được vai trò là người học thì giáo viên mới có thể phát huy được vai trò tích cực của học sinh, mới có thể lựa chọn được những phương pháp và thủ thuật dạy học phù hợp. Với tư cách là người nghiên cứu, giáo viên có thể đóng góp khả năng và kiến thức của mình vào việc tìm hiểu bản chất của quá trình dạy - học ngoại ngữ, bản chất của giao tiếp trong lớp học, những yếu tố ngôn ngữ, tâm lý và xã hội ảnh hưởng đến quá trình học một ngoại ngữ. Ngoài ra, thông qua nghiên cứu, giáo viên sẽ ý thức được rằng dạy - học là một nhiệm vụ liên nhân (liên chủ thể) - một nhiệm vụ mà cả người dạy và người học đều có trách nhiệm tham gia, trong đó học có vai trò trung tâm, dạy có vai trò tạo điều kiện và mục tiêu học tập chi phối toàn bộ quá trình dạy - học.

Những vai trò đã nêu trên đòi hỏi giáo viên có trách nhiệm (i) xây dựng ý thức học tập cho học sinh, (ii) giúp học sinh ý thức được trách nhiệm của mình với tư cách là những người học và về mục đích học tập của mình, (iii) giúp học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp, (iv) giúp học sinh có quan niệm toàn diện về thế nào là biết một ngoại ngữ. Khía cạnh thứ nhất liên quan đến việc xây dựng động cơ học ngoại ngữ đúng đắn cho học sinh, những cố gắng mà các em sẵn sàng bỏ ra để học tập, thái độ của các em đối với tiếng Anh. Khía cạnh thứ hai bao gồm việc giúp học sinh phát triển sự hiểu biết của mình về việc học tiếng Anh nhằm những mục đích gì, trên cơ sở đó đề ra những mục tiêu phù hợp trong từng giai đoạn học tập. Khía cạnh thứ ba liên quan đến việc giúp học sinh xây dựng phong cách hay phương pháp học đúng đắn, có các chiến lược học tập phù hợp để đạt kết quả học tập cao nhất và các hoạt động khác nhau có thể thúc đẩy quá trình học tập trên lớp cũng như ở ngoài lớp. Khía cạnh thứ tư yêu cầu giáo viên, thông qua giảng dạy, giúp học sinh hiểu được khái niệm “thế nào là biết một ngoại ngữ”; nghĩa là ngôn ngữ được cấu tạo và sử dụng như thế nào trong các tình huống giao tiếp.

## **2. Vai trò học sinh**

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, học sinh phải được tạo điều kiện tối đa để thực sự trở thành (i) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với chính mình trong quá trình học tập, (ii) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với các

thành viên trong nhóm và trong lớp học, (iii) người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học.

Người học ngoại ngữ trong thời đại công nghiệp 4.0 không chỉ là người thu nhận kiến thức từ người dạy và từ sách vở, mà quan trọng hơn, còn phải là người biết cách học như thế nào. Học sinh có những nhu cầu và mục đích học tiếng Anh rất khác nhau. Trong quá trình học tập, các em thường xuyên điều chỉnh kế hoạch của mình cho phù hợp với những mục tiêu của môn học. Kiến thức thường xuyên được định nghĩa lại khi học sinh học được nhiều hơn, và trong khi xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình, các em có thể nhận ra rằng các chiến lược học tập trước đó có thể không còn phù hợp và có thể bị thay thế bằng các chiến lược học tập mới phù hợp hơn. Quá trình điều chỉnh này được gọi là quá trình đàm phán với chính mình trong quá trình học tập.

Học không hoàn toàn là một hoạt động cá nhân mà nó xảy ra trong một môi trường văn hoá xã hội nhất định, trong đó sự tương tác giữa những học sinh với nhau có vai trò quan trọng trong việc thu nhận kiến thức và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. Thực tế này đòi hỏi học sinh trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp phải đảm nhiệm vai trò của người cùng đàm phán với các thành viên trong nhóm và trong lớp học.

Vì dạy - học là một hoạt động không thể tách rời nhau, cho nên học sinh trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp còn phải đảm nhiệm thêm một vai trò quan trọng nữa, đó là người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học. Trong vai trò này, học sinh hoạt động như là người đàm phán với giáo viên, cung cấp cho giáo viên những thông tin về bản thân mình như trình độ, khó khăn, thuận lợi, nhu cầu, mong muốn của cá nhân về môn học và những thông tin phản hồi về những nội dung trong sách giáo khoa và phương pháp dạy học của giáo viên,... để giáo viên hiểu được mình và có thể điều chỉnh nội dung, phương pháp và thủ thuật dạy học phù hợp.

## **VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập

của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp. Việc đánh giá cuối cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông phải dựa vào yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, cụ thể là Bậc 1 đối với cấp tiểu học, Bậc 2 đối với cấp trung học cơ sở và Bậc 3 đối với cấp trung học phổ thông.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

## VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Phân bổ thời lượng dạy học

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được dạy từ lớp 3 đến lớp 12 và tuân thủ các quy định trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời lượng dạy học môn học, cụ thể như sau:

Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng số
----------	-----------------	---------------------	---------

(4 tiết/tuần)			(3 tiết/tuần)				(3 tiết/tuần)			
Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
140 tiết	140 tiết	140 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	
<b>420 tiết</b>			<b>420 tiết</b>				<b>315 tiết</b>			<b>1155 tiết</b>

## 2. Điều kiện thực hiện Chương trình

Để việc thực hiện *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

### 2.1. Giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Đối với giáo viên đã đạt chuẩn nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng giáo viên cần được tổ chức thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học do Chương trình quy định. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.

- Giáo viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá sách giáo khoa, tài liệu dạy học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho mỗi cấp học.

- Các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh cần tham khảo *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* để đảm bảo chương trình đào tạo, bồi dưỡng sát với yêu cầu thực tế.

- Cần tạo điều kiện bồi dưỡng cho giáo viên về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng*

cho Việt Nam.

## **2.2. Cơ sở vật chất**

- Đảm bảo các điều kiện tối thiểu về sách giáo khoa, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.

- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Định hướng phát triển một số năng lực chung**

### **3.1. Phương pháp học tập**

Có phương pháp học tập tốt sẽ giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả. Học sinh cần hình thành một số phương pháp học tập cơ bản như: cách xác định mục tiêu và kế hoạch học tập, cách luyện tập các kỹ năng giao tiếp và học kiến thức ngôn ngữ, cách sử dụng tài liệu học tập và học liệu điện tử, cách thức tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động học tập tương tác, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động, kế hoạch học tập của bản thân.

Học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với năng lực, đặc điểm và điều kiện học tập của cá nhân. Các phương pháp học tập phù hợp giúp học sinh học tập tích cực và có hiệu quả, trở thành những người học có khả năng tự học một cách độc lập trong tương lai.

### **3.2. Thói quen học tập suốt đời**

Thế giới đang trong quá trình toàn cầu hoá mạnh mẽ. Toàn cầu hoá vừa tạo ra những cơ hội, vừa đặt ra những thách thức đối với mỗi quốc gia, mỗi cá nhân. Để có thể cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu, học sinh cần liên tục phát triển năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng của mình. Việc học tập không dừng lại khi học sinh tốt nghiệp phổ thông mà vẫn tiếp tục ngay cả khi các em không theo đuổi con đường học hành. Do đó, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* cần tạo lập cho

học sinh những phương pháp học tập phù hợp, từng bước định hướng và hình thành cho học sinh thói quen học tập suốt đời.

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh phát triển các kỹ năng và năng lực cần thiết để trở thành người học độc lập, tận dụng các cơ hội từ giáo dục chính quy và không chính quy để đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân. Cùng với việc giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá những kiến thức và kỹ năng của bản thân để định hướng phát triển trong tương lai, Chương trình cần trang bị cho học sinh nền tảng vững chắc để hình thành và phát triển các kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời, qua đó định hướng nghề nghiệp trong tương lai để các em có thể đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong suốt cuộc đời của mình.